

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/HSST
Ngày 20 tháng 10 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sa Văn Khuyên

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Cương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Ông Cầm Văn Chiến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 05/HSST ngày 03/10/2017 đối với các bị cáo sau đây:

1. Hàng A P. Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1998 tại MC, Sơn La; Nơi ĐKNKTT: Tiểu khu PK 1, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng Tt; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: không; Con ông: Hàng A Lầu; con bà: Giàng Thị M; Bị cáo có vợ: Tráng Thị N và 01 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày từ 04/7/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Hàng Thị T; Tên gọi khác: Hàng Thị Chở; Sinh năm: 1990 tại MC, Sơn La; Nơi ĐKNKTT: Bản Chi Đây; xã Chiềng Hặc; huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; Tạm trú: Tiểu khu PK II, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng Tt; Trình độ văn hóa: Không biết chữ. Dân tộc: Mông. Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: không; Con ông: Hàng A Lầu; con bà: Giàng Thị M; Bị cáo có chồng: Thảo A Dơ và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày từ 04/7/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Tráng Thị N. Sinh năm: 1998. Trú tại: Tiểu khu PK 1, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La, có mặt tại phiên tòa

2. Hàng A K. Sinh năm: 1993. Trú tại: Tiểu khu PK 1, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La, có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Hàng A P, Hàng Thị T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 12 giờ 30 phút ngày 04/7/2017, Tổ công tác phối hợp giữa Công an huyện MC, Công an huyện VH, Đoàn Biên phòng cửa khẩu LS, MC làm nhiệm vụ tại khu vực Tiểu khu 1, xã MS, huyện MC, tỉnh Sơn La, phát hiện bắt quả tang Hàng A P, Hàng Thị T (Đều trú tại Thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La) đang có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy trên xe máy Honda Wave BKS 26K5-7076, đi hướng từ xã LS ra thị trấn MC. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Hàng A P và Hàng Thị T.

Vật chứng thu giữ: 15 túi nilon bên trong chứa các viên nén màu hồng và màu xanh (nghi Hồng phiến) – P và T khai số ma túy trên là hồng phiến mục đích để bán. Ngoài ra còn thu giữ 02 xe máy hiệu Honda Wave BKS 26K5-7076 và xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 26K9 – 0918 và 02 điện thoại di động cùng một số giấy tờ liên quan.

Ngày 04/7/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện MC đã thành lập hội đồng mở niêm phong, cân tịnh xác định Trọng lượng, lấy mẫu trưng cầu giám định số vật chứng thu giữ của P và T: 15 gói nilon bên trong có 3000 viên nén màu hồng và màu xanh có Trọng lượng 296,64 gam. Trích lấy 10,1 gam (105 viên màu hồng và màu xanh) có ký hiệu từ P1 đến P15 và C1 đến C15 làm mẫu trưng cầu giám định

Tại Kết luận giám định số 711/KLMT ngày 08/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: *“Mẫu vật gửi giám định ký hiệu P1 đến P15 và C1 đến C15 đều là chất ma túy; Loại chất Methamphetamine; Trọng lượng mẫu gửi giám định là 10,1 gam. Tổng Trọng lượng chất ma túy thu giữ là 296,64 gam, loại chất Methamphetamine”*

Quá trình điều tra Hàng A P, Hàng Thị T khai nhận:

Ngày 02/7/2017, Hàng A P ở Tiểu khu PK 1, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La đi đến nhà Hàng Thị T (chị gái P) ở cùng tiểu khu, rủ T sáng ngày 03/7/2017 đi cùng P đến bản AL, LS để P sang Lào tìm mua ma túy, sau khi P mua được ma túy thì T đi kiểm tra đường cho P vận chuyển ma túy về MC bán, xong việc P sẽ trả công, T đồng ý.

Khoảng 5 giờ ngày 03/7/2017, T đến nhà Hàng A K (em trai) mượn xe máy hiệu Yamaha Sirius BKS 26K9 -0918, nói là để đi làm nương. Sau đó T điều khiển xe máy đến nhà Hàng A P. P điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS 26K5 – 7076, chở theo Tráng Thị N và Hàng Thị Phương (vợ và con nhỏ sinh năm 2017), cùng T đi xe máy đến khu vực bản AL, LS. P bảo T đứng đợi ở ngoài đường, còn P đưa vợ con vào nhà Tráng A L (bố vợ P) chơi ở đó.

Sau đó P nói với N là đi ra ngoài có việc. P và T đi xe máy đến khu vực biên giới và nghỉ tại một lán nương. P bảo T ở lại trông xe máy, còn P đi bộ sang Lào mua ma túy. Khoảng 17 giờ cùng ngày, P gặp và hỏi mua được 15 gói hồng phiến của một người đàn ông dân tộc Mông Lào tên May với giá 40.000.000 đồng. P đưa trước cho người đàn ông 7.000.000 đồng và nói số tiền còn lại 33.000.000 đồng, sau khi P bán được ma túy, sẽ trả sau, May đồng ý. P điện thoại cho T thông báo đã mua được ma túy và bảo T đi xe máy về MC để kiểm tra đường, nếu có công an kiểm tra thì thông báo cho P biết, T đồng ý.

Ngày 04/7/2017, P mang số ma túy về đến lán nương và cất dấu 15 gói Hồng phiến vào trong bộ lọc gió xe máy hiệu Honda Wave BKS 26K5 – 7076, sau đó P điều khiển xe máy đến đón vợ, con đang ở bản AL, LS đi về nhà. Khi P, T đi đến Quốc lộ 43, thuộc khu vực tiểu khu 1, xã MS, huyện MC thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Nguồn gốc số ma túy bị thu giữ: 296, 64 gam Methamphetamine, P khai mua của một người đàn ông dân tộc Mông tên May (không quen biết) ở bên Lào. Ngoài lời khai của P, cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, điều tra. Do vậy buộc các bị cáo P và T phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về số ma túy bị thu giữ.

Đối với Tráng Thị N (vợ của Hàng A P), Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã xác minh: Ngày 03/7/2017, P rủ vợ đến bản AL, LS, MC để làm nương và thăm bố mẹ, P không nói cho N biết việc P đi mua ma túy. Khi P và T bị bắt, N cũng có mặt, lúc đó N mới biết P, T vận chuyển ma túy. Do vậy N không liên quan đến vụ án.

Tại cáo trạng số: 886/VKS-P1 ngày 03/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố bị cáo Hàng A P, Hàng Thị T về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như cáo trạng và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Hàng A P, Hàng Thị T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hàng A P từ 17 - 18 năm tù.

Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194, điểm l, p khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hàng Thị T từ 13 – 14 năm tù.

Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày 04/7/2017.

Về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Hàng A P, Hàng A T nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo Hàng A P, Hàng Thị T:

Ngày 02/7/2017, Hàng A P đã có hành vi rủ Hàng Thị T đi mua ma túy về bán kiếm lời. P phân công T đi kiểm tra đường cho P, xong việc P sẽ trả công cho T, T nhất trí. Ngày 03/7/2017, P, T cùng vợ con P đi đến bản AL, LS, sau đó P cùng T đi đến khu vực biên giới, T ở lại trông xe còn P sang Lào tìm và mua được 15 gói Hồng phiến. Sau đó T về trước xem đường. Ngày 04/7/2017, P giấu 15 gói Hồng phiến vào bộ lọc gió xe máy, đón vợ con và cùng T đi về nhà thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 12 giờ 30 phút ngày 04/7/2017 đối với Hàng A P, Hàng Thị T về hành vi mua bán trái phép chất ma túy tại tiểu khu 1, xã MS, huyện MC, tỉnh Sơn La.

Kết luận giám định số 711/KLMT ngày 08/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: *“Mẫu vật gửi giám định ký hiệu P1 đến P15 và C1 đến C15 đều là chất ma túy; Loại chất Methamphetamine; Trọng lượng mẫu gửi giám định là 10,1 gam. Tổng Trọng lượng chất ma túy thu giữ là 296,64 gam, loại chất Methamphetamine”*

- Lời khai nhận tội của bị cáo Hàng A P, Hàng Thị T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Từ các căn cứ như đã nêu trên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hàng A P, Hàng Thị T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999: *“Các chất ma túy khác ở thể rắn có Trọng lượng từ một trăm gam đến dưới ba trăm gam”*

[2] Khung hình phạt áp dụng: Bị cáo Hàng A P, Hàng Thị T đã có hành vi vận chuyển trái phép 296,64 gam Methamphetamine với mục đích đem về bán kiếm lời, đã vi phạm điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999 có khung hình phạt từ mười lăm năm đến hai mươi năm tù.

Ngoài hình phạt chính, bị cáo Hàng A P, Hàng Thị T còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 194. Song xét hoàn cảnh bị cáo khó khăn, không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Bị cáo Hàng A P là người chủ mưu cầm đầu, rủ rê lôi kéo Hàng Thị T phạm tội, phân công nhiệm vụ, trực tiếp đi mua bán ma túy, giữ vai trò chính trong vụ án.

Bị cáo Hàng Thị T là người bị rủ rê lôi kéo, thực hiện hành vi phạm tội dưới sự chỉ đạo của Hàng A P, mục đích để nhận tiền công. Trong vụ án, Hàng Thị T giữ vai trò đồng phạm.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Hàng A P, Hàng Thị T thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, các bị cáo mua bán ma túy với số lượng lớn (296,64 gam), gây nguy hại lớn cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, tiền chất ma túy. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo mới đảm bảo được tính răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Đối với bị cáo Hàng A P: Bị cáo không có tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh khó khăn, trình độ nhận thức, hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Hàng Thị T: Bị cáo không có tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh khó khăn, trình độ nhận thức, hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội khi đang mang thai; bị cáo giữ vai trò đồng phạm trong vụ án, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 Bộ luật Hình sự.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với 286,54 gam Methamphetamine còn lại sau khi đã giám định, xét đây là loại hàng Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS 26K5 -7076 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Trần Thị Khắc Hải thu giữ của Hàng A P trong vụ án. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản chung hợp pháp của vợ chồng Hàng A P, Tráng Thị N. Khi P sử dụng xe đi vận chuyển, mua bán ma túy, Tráng Thị N không biết, chiếc xe là tài sản có giá trị duy nhất của gia đình, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên cần trả lại chiếc xe cùng giấy đăng ký xe cho chị Tráng Thị N.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 26K9 – 0918 thu giữ của Hàng Thị T trong vụ án. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của Hàng A K (em trai Hàng Thị T). K không biết việc T mượn xe đi để phục vụ

hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên cần chiếc xe cùng giấy đăng ký xe cho anh Hàng A K.

Đối với hai chiếc điện thoại thu giữ của Hàng A P, Hàng Thị T trong vụ án, được xác định là phương tiện bị cáo sử dụng để liên lạc phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo Hàng A P, Hàng Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hàng A P, Hàng Thị T (Hàng Thị Chở) phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

1. Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194, điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hàng A P 17 (mười bảy) năm tù.

- Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194, điểm l, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hàng Thị T (Hàng Thị Chở) 13 (mười ba) năm tù.

Thời hạn tù của các bị cáo được tính từ ngày 04/7/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a, b, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 286,54 gam Methamphetamine còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định được niêm phong trong một chiếc phong bì do Công an huyện MC phát hành, mặt trước có ghi: “Vật chứng vụ Hàng A P và Hàng Thị Chở, bắt ngày 04/7/2017”, mặt sau phong bì có 06 dấu hình dấu đỏ của cơ quan CSĐT công an huyện MC, chữ ký, dòng ghi họ tên của thành phần tham gia niêm phong”.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Hai chiếc điện thoại di động, trong đó: Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Hphone Model A117, vỏ màu đen, 2 IMEI có 04 số cuối 8535, 8543 kèm 01 sim trong máy thu giữ của Hàng Thị Chở; Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu FPT, vỏ màu đen, 2 IMEI có 04 số cuối 9970, 0272 kèm 01 sim trong máy thu giữ của Hàng A P.

- Trả lại cho chị Tráng Thị N: Một chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đỏ đen có BKS 26K5 – 7076, xe có số máy 2135196, số khung 397120, xe không hoạt động kèm Một đăng ký mô tô, xe máy mang tên Trần Thị Khắc Hải, BKS 26K5 – 7076, có số 075837 do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 7/8/2009 thu giữ của Hàng A P

- Trả lại cho anh Hàng A K: Một chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn đen, trắng, xe bị vỡ cánh yếm bên trái, vỡ gương chiếu hậu có BKS 26K9 – 0918, xe có số máy 5C63331091, số khung RLCS5C630AY331034, xe không hoạt động được, không có chìa khóa thu giữ của Hàng Thị T

3. Về án phí: Bị cáo Hàng A P, Hàng Thị T (Hàng Thị Chở) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/10/2017).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Phòng PC47-Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Bị cáo; người liên quan
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Tòng Thị Hiền

